

CÔNG KHAI QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI VÀ TÀI SẢN KHÁC
 NĂM 2016

Stt	Danh mục phương tiện đi lại và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số chỗ ngồi/ tài trong, công suất hoặc ký hiệu tài sản	Năm sử dụng	Giá trị theo sổ sách kê toán đến thời điểm báo cáo (ngàn đồng)		Giá trị còn lại	Hiện trạng bố trí sử dụng (đề nghị đánh dấu X)	Tình hình sử dụng trong kỳ báo cáo			Ghi chú		
				Nguyên giá	Giá trị khấu hao			Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ HD đặc thù		Sử dụng khác	Số sản phẩm đã phục vụ (tính đến thời điểm báo cáo)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Phương tiện đi lại				0	0							
1	Ô tô Landcruiser	Ô tô Landcruiser 7 chỗ BKS: 31A4763	2000		0	0		X					
II	Tài sản cố định khác				596,587,850	468,947,900							
1	Máy photocopy	Xerox	2010		18,059,250	12,039,500		X					
2	Máy photocopy	Xerox	2007		19,848,600	13,232,400		X					
3	Máy tính xách tay	Sony Vaio VNGSZ330P/B	2007		24,510,000	16,340,000		X					
	Máy tính để bàn												
4	ASU/SS320SF-	ASUS	2016		292,950,000	234,360,000		X					
	Bàn phòng họp												
5	NT4315	NT4315	2016		8,800,000	7,040,000		X					
6	Cửa đi 2 cánh	2.1m*1.36m*0.4m	2016		6,950,000	5,560,000		X					
7	Cửa đi 1 cánh	2.1m*0.96m*0.4m	2016		46,800,000	37,440,000		X					
8	Máy tính xách tay HP 350	HP350	2016		59,250,000	47,400,000		X					
9	Máy tính chủ HPML10-E3	HPML10-E3	2016		22,500,000	18,000,000		X					
10	Scan Fujitsu SP1125	SP1125	2016		25,920,000	20,736,000		X					
	Máy photo đa chức năng V3060CPS	V3060CPS	2016		57,500,000	46,000,000		X					
11	Máy chiếu Sony VPL-DX111	Sony VPL-DX111	2016		13,500,000	10,800,000		X					
12	Tổng cộng (I+II)				596,587,850	468,947,900							

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 12 tháng 05 năm 2017
 THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Nguyễn Thị Thu Trang

Đặng Minh Cường

Số: 55 /QĐ-DANN-KHKT

Hà Nội, ngày 11 tháng 1 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2016 Do ban quản lý Trung ương Dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam- VnSAT” thực hiện

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 3241/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các dự án Nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BNN-TCCB, ngày 13/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Ban quản lý các dự án Nông nghiệp; Quyết định số 1057/QĐ-BNN-TCCB, ngày 26/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 108/QĐ-BNN-TCCB, ngày 13/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Ban quản lý các dự án Nông nghiệp;

Căn cứ Hiệp định khoản vay số Cr.5704-VN ký ngày 9/7/2015 giữa Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam - VnSAT”;

Căn cứ Quyết định số 4229/QĐ-BNN-KH ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Phê duyệt Kế hoạch tổng thể dự án VnSAT;

Căn cứ quyết định số 3162/QĐ-DANN-KHKT ngày 20/12/2016 của Ban quản lý các dự án Nông nghiệp về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch năm 2016 do ban quản lý Trung ương dự án VnSAT thực hiện;

Căn cứ văn bản số 141/BNN-KH ngày 06/01/2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016;

Xét Tờ trình số 237/TTr-DANN-VnSAT ngày 30/12/2016 của Giám đốc dự án VnSAT về việc điều chỉnh kế hoạch năm 2016 do ban quản lý Trung ương dự án VnSAT thực hiện;

Căn cứ tình hình triển khai thực tế của dự án VnSAT;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật tại Báo cáo thẩm định số 101 /BCTĐ-DANN-KHKT ngày 31/12/2016 của Phòng Kế hoạch kỹ thuật về việc điều chỉnh kế hoạch năm 2016 do Ban quản lý Trung ương dự án VnSAT thực hiện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2016 phân kinh phí do ban quản lý Trung ương dự án VnSAT thực hiện, cụ thể như sau:

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NĂM 2016 DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN TRUNG ƯƠNG (CPMU)

(Kèm theo Quyết định số: 55/QĐ-DANN-KHKT ngày 11 tháng 1 năm 2017)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2016 Quyết định 3162/QĐ-DANN-KHKT			Giá trị giải ngân đến 12/12/2016			Kế hoạch năm 2016 điều chỉnh		
		Tổng số	Chính phủ	IDA	Tổng số	Chính phủ	IDA	Tổng số	Chính phủ	IDA
I	Chi phí các hoạt động đã thực hiện năm 2015	161	45	116	161	45	116	161	45	116
	Phụ cấp cho cán bộ hợp đồng dự án	116	-	116	116	-	116	116	-	116
	Chi quyết toán dự án hoàn thành vốn chuẩn bị đầu tư dự án	45	45	-	45	45	-	45	45	-
II	Chi phí các hoạt động thực hiện năm 2016	15,739	1,055	14,684	14,869	907	13,962	16,289	1,055	15,234
A	Chi phí đầu tư	9,861	-	9,861	9,204	-	9,204	10,081	-	10,081
1	Hàng hóa thiết bị	1,311	-	1,311	1,311	-	1,311	1,311	-	1,311
	Tiểu hợp phần B3: Nâng cao chất lượng dịch vụ công (lúa gạo)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Hàng hóa thiết bị phục vụ khuyến nông cho các đơn vị hỗ trợ kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và PTNT (MARD)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiểu hợp phần D1	1,311	-	1,311	1,311	-	1,311	1,311	-	1,311
1.2	Trang thiết bị văn phòng và nội thất của CPMU	1,311	-	1,311	1,311	-	1,311	1,311	-	1,311
2	Đào tạo, tập huấn & Hội thảo	2,624	-	2,624	2,319	-	2,319	2,608	-	2,608
	Tiểu hợp phần B3	500	-	822	822	-	822	831	-	831
2.1	Các đơn vị hỗ trợ kỹ thuật của MARD (Đào tạo, tập huấn tiêu giáo viên, hội thảo, tham quan học tập...)	500	-	822	822	-	822	831	-	831
	Tiểu hợp phần C3	931	-	931	931	-	931	931	-	931
2.2	Các đơn vị hỗ trợ kỹ thuật của MARD (Đào tạo, tập huấn tiêu giáo viên, hội thảo, tham quan học tập...)	500	-	931	931	-	931	931	-	931
	Tiểu hợp phần D1	741	-	741	566	-	566	846	-	846

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2016 Quyết định 3162/QĐ-DANN-KHKT				Giá trị giải ngân đến 12/12/2016				Kế hoạch năm 2016 điều chỉnh			
		Tổng số	Chính phủ	IDA	Tổng số	Chính phủ	IDA	Tổng số	Chính phủ	IDA			
5.1	Các chi phí hoạt động cho các đơn vị hỗ trợ kỹ thuật của Bộ NN&PTNT (truyền thông, giám sát và quản lý chất lượng, đánh giá thực trạng và nhu cầu của HTX, khảo sát lập bản đồ, xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu lúa gạo, hỗ trợ cơ sở dữ liệu cấp tỉnh về lúa gạo, nghiên cứu chính sách, truyền thông đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp...)	3,025		3,025	3,025		3,025	3,261		3,261			
	Tiểu hợp phần C3	2,007	-	2,007	2,007	-	2,007	2,007	-	2,007			
5.2	Các chi phí hoạt động cho các đơn vị hỗ trợ kỹ thuật của NN&PTNT (truyền thông, giám sát và quản lý chất lượng, đánh giá thực trạng và nhu cầu của HTX, khảo sát lập bản đồ, xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu cà phê, hỗ trợ cơ sở dữ liệu cấp tỉnh về cà phê, nghiên cứu chính sách, truyền thông về tái cơ cấu ngành Nông nghiệp ...)	2,900	-	2,907	2,007	-	2,007	2,007	-	2,007			
	Tiểu hợp phần D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
5.3	Kiểm soát nội bộ về quản lý tài chính (APMB)	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	Tiểu hợp phần D2	190	-	190	109	-	109	190	-	190			
5.4	Các hoạt động Giám sát và đánh giá (M&E)	190	-	190	109	-	109	190	-	190			
B	Chi phí thường xuyên	5,878	1,055	4,823	5,665	907	4,758	6,208	1,055	5,153			
1	Chi phí hoạt động tăng thêm	4,823	-	4,823	4,758	-	4,758	5,153	-	5,153			



**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: *141* /BNN-KH

Hà Nội, ngày *06* tháng *01* năm 2017

V/v: Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư
phát triển năm 2016

Kính gửi: Ban quản lý Trung ương dự án Chuyển đổi nông nghiệp
bền vững tại Việt Nam.

lưu ý vt
photo: làm đ.ao.đ.đ.
9/17 *Cung*
Căn cứ quyết định số 2526/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ,
quyết định số 2038/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ văn bản số 801/BNN-KH ngày 28/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm
2016; văn bản số 7905/BNN-KH ngày 19/9/2016, văn bản số 9047/BNN-KH ngày
27/10/2016, văn bản số 11257/BNN-KH ngày 30/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
về việc điều hòa, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 4229/QĐ-BNN-KH ngày 26/10/2015 của Bộ Nông nghiệp
và PTNT về việc Phê duyệt kế hoạch tổng thể dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững
tại Việt Nam;

**Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm
2016 với các nội dung như sau:**


- 1/ Tên dự án: Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam
- 2/ Mã quan hệ ngân sách: 7491010
- 3/ Địa điểm xây dựng: Hà Nội.
- 4/ Địa điểm mở tài khoản: Kho bạc NN Trung ương.
- 5/ Thời gian khởi công - hoàn thành: 2015-2020.
- 6/ Mục tiêu: thực hiện đào tạo, tư vấn, mua sắm và quản lý dự án.
- 7/ Kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2016:

Đơn vị: Triệu đồng

Cơ cấu vốn	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016
Tổng số:	568.826	15.800	16.350
1. Vốn nước ngoài	558.635	14.800	15.350
2. Vốn đối ứng TW	10.191	1.000	1.000

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ trưởng (để b/c);
- Bộ TC (Vụ ĐT);
- Bộ KH&ĐT (Vụ KTNN);
- Kho bạc nhà nước TW;
- Vụ TC; Ban CPO NN;
- Lưu: VT, KH(10).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH
TRƯỞNG

Đào Quốc Luân